TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 214/2018/QĐST-HNGĐ	*Kinh Môn, ngày 27 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 247/2018/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989

Tên gọi khác: Nguyễn Thị Th

ĐKHKTT: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam**

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy Th- Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kinh Môn.

- **Quỹ tín dụng nhân dân Thượng Quận**

Địa chỉ: Thôn La Xá, xã Thượng Quận, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Tr- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 27, 37, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không

trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Giao con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 16/5/2014 cho chị Nguyễn Thị Tư được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tư tự nguyện không yêu cầu anh Hùng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Hùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung**: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**:

Anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tiền gốc là 12.000.000 *(mười hai triệu*) đồng, tiền lãi kể từ ngày 11/7/2018 đến ngày 19/7/2018 là 26.630 *(hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi)* đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận vào ngày 19/01/2019. Nếu sau ngày 19/01/2019 anh Hùng không trả toàn bộ số tiền trên anh Hùng tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận cho đến khi tất toán xong hợp đồng.

Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Thượng Quận tiền gốc là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng, tiền lãi kể từ ngày 18/6/2018 đến ngày 19/7/2018 là 270.000 (*hai trăm bảy mươi nghìn*) đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận vào ngày 18/9/2018. Nếu sau ngày 18/09/2018 anh H không trả toàn bộ số tiền trên anh H tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận cho đến khi tất toán xong hợp đồng.

Quỹ tín dụng nhân dân Thượng Quận không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp mà để hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn*) đồng, được đối trừ số tiền 1.400.000 (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu tiền số: AA/2017/0001716 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị Tư đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn hoàn trả lại cho chị T số tiền là 1.250.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.057.000 (*một triệu không trăm lăm mươi bảy nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn;
- Lưu: hồ sơ vụ án; tại TAND huyện Kinh Môn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nguyệt